TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 16 -THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 88/2026/QĐST-LĐ	*TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 4 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC LAO ĐỘNG
V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Nguyễn Thị Tuyết Ánh.

***Thư ký phiên họp*:** Bà Nguyễn Thị Sao Mai – Thư ký Toà án.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp*:** Bà Trần Thị Lý Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc lao động thụ lý số: 122/2026/TLST-LĐ ngày 01 tháng 4 năm 2026 về việc "Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu" theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc lao động số: 75/2026/QĐST-LĐ ngày 10 tháng 4 năm 2026, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1984; thường trú: Khu phố T, xã C, tỉnh Gia Lai; Địa chỉ liên lạc: Số A, đường H, khu phố D, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Công ty Cổ Phần Đ (sau đây gọi tắt là Công ty Đ); Địa chỉ: 2 khu phố B, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

+ Bảo hiểm xã hội Cơ sở Lái Thiêu - Thành phố H; Địa chỉ: Đường N, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

- Tại đơn yêu cầu, bản trình bày ý kiến bà Nguyễn Thị T trình bày:

Bà Nguyễn Thị T, sinh ngày 10/07/1984, CCCD: 0521840xxxxx cấp ngày 12/9/2022. Bà T làm việc tại Công ty TNHH D (Sau này đổi tên thành Công ty cổ phần D), địa chỉ: Đại lộ Đ, KCN Sóng Thần I, Thành phố D, tỉnh Bình Dương từ năm 2006, công ty hiện đã không còn thấy hoạt động.

Thời điểm bà T làm ở đây có tham gia BHXH và được cấp Sổ BHXH số 9106092237, thời gian làm từ tháng 6/2006 đến tháng 12/2011. Do có nhu cầu rút BHXH thì bà T phát hiện hồ sơ bảo hiểm bị trùng thời gian đóng BHXH tại Công ty

Cổ phần Đ từ tháng 5/2007 đến tháng 01/2008.

Lý do trùng vì có người đã sử dụng thông tin của bà T để ký hợp đồng lao động với Công ty Cổ phần Đ, làm việc tại đây từ tháng 5/2007 đến tháng 01/2008, tham gia BHXH với mã số 9107124627, thực tế trong khoảng thời gian này bà T không làm việc tại Công ty Cổ phần Đ này mà đang làm việc tại công ty cổ phần D, bà T cũng không cho ai mượn giấy Chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân của bà T, bà T không xác định được ai là người đã sử dụng thông tin của bà T để ký hợp đồng lao động với Công ty Cổ phần Đ.

Nhận thấy, việc ký kết hợp đồng lao động giữa người lao động có tên Nguyễn Thị T với Công ty Cổ phần Đ là sai quy định, vi phạm nguyên tắc trung thực, ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà T nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Tuyên hợp đồng lao động đã giao kết giữa người lao động có tên Nguyễn Thị T và Công ty Cổ Phần Đ trong khoảng thời gian từ tháng 5/2007 đến tháng 01/2008 vô hiệu.

Đối với thời gian người khác tham gia BHXH tại Công ty Cổ Phần Đ với tên của bà T thì bà T chưa làm thủ tục hưởng BHXH. Bà T xác định không có yêu cầu gì liên quan đến số tiền này. Sau này có giải quyết hậu quả gì liên quan đến việc trùng thông tin này bà T cũng chịu trách nhiệm và thực hiện theo quy định.

- Tại Công văn số 501/BHXH-QLT ngày 24/02/2026 và Công văn số 1139/BHXH-KT ngày 10/4/2026, Bảo hiểm xã hội cơ sở Lái Thiêu - Thành phố H cung cấp thông tin tóm tắt như sau:

Bà Nguyễn Thị T, sinh ngày 10/07/1984, Căn cước công dân số 0521840xxxxx có quá trình tham gia bảo hiểm như sau:

Tham gia Bảo hiểm xã hội với mã số 9107124627 tại Công ty cổ phần Đ thời gian từ tháng 05 năm 2007 đến tháng 01 năm 2008, đã thực hiện chốt sổ ngày 11/11/2019.

Tham gia Bảo hiểm xã hội tại với mã số 9106092237 tại Công ty TNHH D (Sau này đổi tên thành Công ty cổ phần D), thời gian từ tháng 06 năm 2006 đến tháng 12 năm 2011 và Công ty cổ phần C, thời gian từ tháng 01 năm 2012 đến tháng 06 năm 2024, đã thực hiện chốt sổ ngày 30/7/2024.

Bảo hiểm xã hội cơ sở L - Thành phố Hồ Chí Minh yêu cầu được vắng mặt quá trình giải quyết vụ việc.

Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc dân sự và đề nghị:

Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa, người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty cổ phần Đ đã giải thể, phá sản và chấm dứt tồn tại theo thông tin cung cấp từ hệ thống thông tin đăng ký doanh nghiệp Quốc gia.

Về nội dung: Xét thấy, yêu cầu của người yêu cầu là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm

tra tại phiên họp, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người yêu cầu bà Nguyễn Thị T; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 367 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự.

[2] Xem xét yêu cầu của đương sự:

[2.1] Lời khai của bà Nguyễn Thị T phù hợp với xác nhận của Bảo hiểm xã hội cơ sở L - Thành phố Hồ Chí Minh. Trong khoảng thời gian từ tháng 6 năm 2006 đến tháng 12 năm 2011, người lao động Nguyễn Thị T, sinh ngày 10/07/1984. Căn cước công dân số 0521840xxxxx cấp ngày 12/9/2022, làm việc tại làm việc tại Công ty TNHH D (Sau này đổi tên thành Công ty cổ phần D), địa chỉ: Đại lộ Đ, KCN Sóng Thần I, Thành phố D, tỉnh Bình Dương (Nay là phường D, Thành phố Hồ Chí Minh), có tham gia BHXH và được cấp Sổ BHXH số 9106092237.

Bà T phát hiện có người đã sử dụng thông tin của bà T để ký hợp đồng lao động với Công ty Cổ phần Đ, làm việc tại đây từ tháng 5/2007 đến tháng 01/2008, tham gia BHXH với mã số 9107124627. Như vậy, chủ thể ký kết hợp đồng lao động với Công ty Cổ phần Đ trong khoảng thời gian từ tháng 5/2007 đến tháng 01/2008 không phải bà Nguyễn Thị T. Hành vi trên đã vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, thiện chí, hợp tác và trung thực khi xác lập quan hệ lao động nên toàn bộ nội dung của hợp đồng lao động là vi phạm pháp luật và bị vô hiệu theo quy định tại Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005.

[2.2] Căn cứ theo Thông tin cung cấp từ Cơ quan Bảo hiểm xã hội cơ sở L - Thành phố Hồ Chí Minh về thời gian đóng bảo hiểm xã hội của bà Nguyễn Thị T bị trùng.

Từ những nhận định trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị T về việc yêu cầu: *Tuyên hợp đồng lao động đã giao kết giữa bà Nguyễn Thị T và Công ty cổ phần Đ vô hiệu.*

[2.3] Tại khoản 5 Điều 402 của Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định về xem xét yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu, thỏa ước lao động tập thể vô hiệu: *"... Tòa án phải giải quyết hậu quả pháp lý của việc tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu"*. Bà Nguyễn Thị T có quyền liên hệ Cơ quan bảo hiểm xã hội có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về nội dung việc lao động, các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên họp là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về lệ phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 33, Điều 35, các Điều 149, 361, 367, 370, 371, 372, 401, 402 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005.

- Các Điều 9, Điều 30 của Bộ luật Lao động năm 1994 (đã được sửa đổi, bổ sung năm năm 2002, năm 2006, năm 2007);

- Khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu giải quyết việc lao động của bà Nguyễn Thị T.

- Tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị T với Công ty cổ phần Đ (theo sổ bảo hiểm xã hội có mã số 9107124627) bị vô hiệu.

- Xác định người lao động theo sổ bảo hiểm xã hội số 9107124627 không phải là bà Nguyễn Thị T, sinh ngày 10/07/1984; căn cước công dân số 0521840xxxxx cấp ngày 12/9/2022.

Bà Nguyễn Thị T được quyền liên hệ với Cơ quan bảo hiểm xã hội có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục điều chỉnh liên quan đến sổ bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ tiền tạm ứng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0019038 ngày 27/3/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết trong thời hạn 10 (mười) ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- Phòng Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Hồ sơ;
- Lưu./.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nguyễn Thị Tuyết Ánh